BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **767** /BC-BCA-A05	*Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả rà soát hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc xây dựng Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Công an báo cáo kết quả rà soát hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân như sau:

1. Pháp luật quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Chủ đề "bảo vệ dữ liệu cá nhân" đã được cộng đồng quốc tế quan tâm từ nhiều năm nay và đã được thảo luận tại nhiều diễn đàn quốc tế, trên nhiều góc độ như trong khuôn khổ Liên hợp quốc, ASEAN, APEC... Sự phát triển nhanh chóng và hiệu quả của công nghệ đã cho phép các quốc gia, tập đoàn kinh tế, công ty lớn...tiến hành các hoạt động giám sát và thu thập dữ liệu cá nhân trên quy mô lớn, tạo ra những lo ngại do khả năng xâm phạm các quyền riêng tư cá nhân được quy định tại Điều 17 của Công ước quốc tế về Quyền dân sự và chính trị.

Theo thống kê của Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), đến nay đã có khoảng 107 thành viên (trong đó có 66 nền kinh tế đang chuyển đổi hoặc đang phát triển) có các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Về cơ bản, các quốc gia đều bám sát các nguyên tắc về quyền riêng tư, tuy nhiên, còn có sự khác nhau tương đối đáng kể trong việc giải thích và áp dụng nguyên tắc này. Một số tổ chức cũng ban hành những quy định, hướng dẫn, khung bảo vệ dữ liệu cá nhân như: APEC có khung Bảo vệ dữ liệu cá nhân (chỉnh sửa 2015) và Hệ thống các quy tắc trao đổi dữ liệu cá nhân xuyên biên giới; EU có Quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân của Liên minh châu Âu chính thức có hiệu lực từ năm 2018; ASEAN đang thảo luận xây dựng Nền tảng bảo vệ dữ liệu cá nhân của ASEAN.

1.1. Quy định của WTO về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Hiệp định WTO về Thương mại dịch vụ đặt ra các quy định ràng buộc về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Điều 16(c)(ii) của Hiệp định quy định cho phép các quốc gia có các biện pháp hạn chế thương mại nếu cần thiết để bảo vệ quyền riêng tư của các nhân liên quan đến xử lý, phát tán dữ liệu cá nhân, các biện pháp bảo vệ

tính bảo mật của các bản ghi và tài khoản cá nhân" với điều kiện các biện pháp không tạo thành phân biệt đối xử tùy tiện và hạn chế thương mại trá hình.

1.2. Quy định của CPTPP về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các quốc gia đã có những quy định cụ thể về nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Điều 14.8, theo đó các quốc gia sẽ phải xây dựng và duy trì các khung pháp lý về bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng trong thương mại điện tử trên cơ sở cân nhắc các nguyên tắc và hướng dẫn của các thể chế quốc tế.

Đặc biệt, các quốc gia sẽ không có các quy định mang tính phân biệt đối xử trong việc bảo vệ người sử dụng thương mại điện tử trước các vi phạm về bảo vệ thông tin cá nhân trong thẩm quyền xét xử của mình. Cụ thể, các quốc gia sẽ cần công bố thông tin về các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân dành cho người sử dụng thương mại điện tử, bao gồm các cách thức để cá nhân thực thi các quyền của mình, cũng như cách thức để các doanh nghiệp tuân thủ các quy định pháp lý liên quan. Ngoài ra, các quốc gia cần thúc đẩy và hướng đến sự tương thích giữa các quy định nội luật của các quốc gia trong CPTPP thông qua các cơ chế song phương hoặc khuôn khổ quốc tế.

1.3. Quy định của EVFTA về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Tại Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), hai Bên cũng có những cam kết về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cụ thể tại Điều 8.45, các Bên sẽ phải ban hành hoặc duy trì các biện pháp phù hợp để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, bao gồm các bản ghi và tài khoản cá nhân. Trong đó, đối với lĩnh vực tài chính, các Bên sẽ cho phép chuyển thông tin ra ngoài lãnh thổ để xử lý phù hợp với tính chất cung cấp dịch vụ tài chính.

1.4. Quy định bảo vệ dữ liệu chung của Liên minh Châu Âu

Một trong những bộ quy tắc về chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân được quốc tế và nhiều hãng công nghệ lớn quan tâm, chú ý là Bộ quy tắc chung của Liên minh châu Âu về bảo vệ dữ liệu (GDPR), có hiệu lực từ 25/5/2018. Về nội dung, GDPR đang được áp dụng thống nhất tại 28 nước EU đối với tất cả các doanh nghiệp xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến các chủ thể tại Liên minh châu âu và không phụ thuộc vào nơi xuất xứ của doanh nghiệp. Theo quy định, dữ liệu cá nhân sẽ được hiểu là bất kỳ thông tin nào mà gián tiếp hoặc trực tiếp có thể nhận diện được một cá nhân, vì vậy, có thể gồm tên gọi, hình ảnh, thông tin tài khoản, các nội dung trên mạng xã hội, thông tin sức khỏe, y tế...Về cơ bản, GDPR yêu cầu bên thu thập dữ liệu có các biện pháp bảo vệ dữ liệu theo hình thức chủ động và tự động ngay từ ban đầu. Các doanh nghiệp thu thập dữ liệu phải chủ động đưa ra các biện pháp tổ chức và kỹ thuật (bao gồm vô danh hóa)

nhằm hạn chế tối thiểu việc xử lý dữ liệu cá nhân. Đồng thời, các doanh nghiệp phải tự động bảo vệ dữ liệu cá nhân theo hướng chỉ xử lý các thông tin cần thiết cho mục đích cụ thể. Nghĩa vụ này áp dụng đối với khối lượng dữ liệu các doanh nghiệp thu thập, phạm vi xử lý, thời gian lưu trữ và khả năng tiếp cận. GDPR cũng cho phép chủ thể của dữ liệu được quyền chuyển dữ liệu sang doanh nghiệp xử lý khác.

1.5. Hoa Kỳ: Hiện nay, pháp luật Hoa Kỳ không có luật riêng về quyền riêng tư ở cấp độ liên bang. Việc điều chỉnh quyền này áp dụng theo các quy định trong các ngành, lĩnh vực cụ thể. Một số luật liên quan như: Luật về bảo vệ dữ liệu trực tuyến của trẻ em; Luật về báo cáo tín dụng, Luật về ủy thác thương mại,… Đối với trẻ em, Luật hạn chế các công ty điều hành các trang web hoặc cung cấp các dịch vụ trực tuyến hướng đến trẻ em dưới 13 tuổi. Những nhà điều hành trang web phải được sự đồng ý của cha mẹ trước khi thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của một đứa trẻ. Bên cạnh đó, một số luật và văn bản pháp quy có yêu cầu về: bảo vệ dữ liệu cá nhân khi phổ biến và/hoặc phải có sự đồng ý của các bên liên quan khi phổ biến dữ liệu và/hoặc công bố nơi lưu trữ dữ liệu cá nhân.

1.6. Cộng hòa Pháp

Pháp là một trong những quốc gia đầu tiên ban hành luật quy định về bảo vệ thông tin cá nhân, cụ thể là Luật số 78-17 ngày 06/01/1978 về tin học, tệp tin và quyền tự do (sau đây gọi tắt là Luật số 78-17). Ngoài ra, trong các luật chuyên ngành cũng có quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong các lĩnh vực riêng biệt. Luật về bảo vệ thông tin cá nhân của Pháp chỉ nêu định nghĩa về thông tin cá nhân mà không liệt kê cụ thể các thông tin cá nhân, không áp dụng đối với thông tin của pháp nhân. Việc xác định thông tin nào là thông tin cá nhân được Ủy ban quốc gia về tin học và tự do (CNIL) xem xét trong từng trường hợp cụ thể. Theo pháp luật của Pháp, xử lý thông tin cá nhân được định nghĩa là: mọi hoạt động hay mọi tập hợp hoạt động liên quan đến những dữ liệu này, dù sử dụng quy trình xử lý nào, đặc biệt là thu thập, ghi lại, tổ chức, bảo quản, chỉnh sửa hay sửa đổi, sao trích, tra cứu, sử dụng, truyền thông qua chuyển tải, phát tán hay mọi hình thức cung cấp, truy cập, cũng như chặn, xóa hay phá hủy. Điều 8 Luật số 78-17 quy định cấm thu thập hay xử lý những dữ liệu cá nhân làm lộ, trực tiếp hay gián tiếp, nguồn gốc chủng tộc hay dân tộc, quan điểm chính trị, triết lý hay tôn giáo hay nghiệp đoàn tham gia của các cá nhân, hay những thông tin liên quan đến sức khỏe hay đời sống tình dục của những người này. Tuy nhiên, quy định nghiêm cấm này được loại trừ trong một số trường hợp. Pháp cho phép thành lập Ủy ban quốc gia về tin học và quyền tự do (CNIL) là cơ quan giám sát thực thi Luật.

1.7. Singapore

Ngày 15/10/2012, Nghị viện Singapore thông qua Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Luật này được ban hành nhằm điều chỉnh các hoạt động thu thập, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân. Luật công nhận quyền của các cá nhân trong việc bảo vệ các dữ liệu cá nhân của chính họ, đồng thời thừa nhận sự cần thiết của việc các tổ chức tiến hành thu thập, sử dụng và tiết lộ thông tin cá nhân vì những mục đích phù hợp với những hoàn cảnh nhất định. Luật bao gồm 68 điều đề cập đến các nội dung chính sau: Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan trong việc thu thập, sử dụng, tiết lộ, sửa chữa… dữ liệu cá nhân; bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân; chuyển giao dữ liệu cá nhân ra ngoài lãnh thổ Singapore; giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến dữ liệu cá nhân… Ngoài ra, một số văn bản pháp luật chuyên ngành của Singapore cũng có các quy định về vấn đề này như: Luật an ninh mạng và máy tính đã hình sự hoá các hành vi truy cập trái phép thông tin. Tuy nhiên, Luật này lại không điều chỉnh các hoạt động thu thập thông tin hợp pháp; Luật bí mật công vụ, Luật thống kê… điều chỉnh các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trong khối cơ quan nhà nước; Luật giao dịch điện tử, Luật ngân hàng, Luật viễn thông… điều chỉnh các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trong khu vực tư nhân. Singapore cũng quy định cụ thể về chế tài xử lý vi phạm.

1.8. Thái Lan

Hiện nay, Thái Lan đã ban hành đạo luật riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhântheo Hiến pháp Thái Lan năm 2007; các đạo luật chuyên ngành như Bộ luật Dân sự và Thương mại, Luật viễn thông, Luật ngân hàng, Luật kinh doanh tài chính, Luật giao dịch điện tử… cũng xác lập cơ chế bảo vệ đối với dữ liệu cá nhân trước các hành động thu thập, sử dụng, tiết lộ, chuyển giao thông tin một cách bất hợp pháp. Trong các hoạt động công vụ, các hành vi thu thập và lưu giữ thông tin cá nhân của các cơ quan chính phủ được điều chỉnh bởi Luật thông tin công vụ năm 1997. Luật này có một số nội dung chính: xác lập các yêu cầu đối với hệ thống dữ liệu cá nhân được vận hành bởi các cơ quan chính phủ; xác lập giới hạn tiết lộ dữ liệu cá nhân; trao quyền cho các cá nhân được yêu cầu sửa đổi, bổ sung dữ liệu cá nhân của mình được các cơ quan chính phủ lưu giữ. Hội đồng quốc gia của Thái Lan gần đây đã cân nhắc việc thông qua Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo Dự thảo này, dữ liệu cá nhân được bảo vệ để hạn chế việc thu thập, sử dụng, tiết lộ và chuyển giao bất kỳ thông tin cá nhân nào mà không có sự đồng ý của người đó; xác lập chế tài hình sự và trách nhiệm dân sự đối với bất kỳ hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân một cách bất hợp pháp; thành lập Uỷ ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân để giám sát việc tuân thủ Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Thái Lan cũng quy định cụ thể về chế tài xử lý vi phạm.

1.9. Indonesia

Cũng giống như một số quốc gia khác trong khu vực, Indonesia chưa có Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cơ sở pháp lý đầu tiên để bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Indonesia là Hiến pháp năm 1945. Mặc dù không trực tiếp quy định về quyền bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân như một quyền công dân, nhưng tại Điều 28G Hiến pháp quy định: Mỗi người đều có quyền tự bảo vệ bản thân, gia đình, sự tôn trọng, nhân phẩm và tài sản của mình. Mỗi người đều có quyền được bảo đảm an ninh và sự bảo vệ khỏi các mối đe dọa sợ hãi để làm, hay không làm, một điều gì đó cấu thành một quyền con người. Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân được điều chỉnh bởi Luật số 11 năm 2008 về thông tin và giao dịch điện tử (sau đây gọi tắt là Luật số 11 năm 2008) và Nghị định số 82 năm 2012 của Chính phủ liên quan đến các hệ thống và giao dịch điện tử (sau đây gọi tắt là Nghị định số 82). Ngoài ra, các luật chuyên ngành và văn bản hướng dẫn trong các lĩnh vực ngân hàng, thị trường vốn, viễn thông, chăm sóc sức khoẻ, thông tin… cũng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực đó. Hiện nay, Nghị định về Thông tin và Truyền thông đang được Chính phủ Indonesia xây dựng dự thảo. Nghị định sẽ quy định chi tiết về bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm yêu cầu về sự đồng ý của chủ dữ liệu; việc thu thập, lưu giữ, đánh giá, chuyển giao, huỷ bỏ… dữ liệu cá nhân.

1.10. Nhật Bản

Nhật Bản là nước có hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân hoàn thiện nhất trong khu vực Châu Á. Đạo luật về bảo vệ thông tin cá nhân (Act on the Protection of Personal Information - APPI) được coi là văn bản pháp luật đầu tiên điều chỉnh về vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trong khu vực Châu Á[1].Mục đích của đạo luật này là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, đồng thời bảo đảm việc cân nhắc một cách hợp lý việc sử dụng hiệu quả và phù hợp các thông tin cá nhân nhằm góp phần phục vụ cho việc tạo ra các nền công nghiệp mới, ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội và sự nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Theo đó, đạo luật đặt ra các nguyên tắc cơ bản cho việc quản lý và sử dụng một cách hợp lý các thông tin cá nhân; thiết lập các giải pháp, chính sách cụ thể nhằm tạo ra các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân một cách hiệu quả, thích hợp. Đồng thời, đạo luật này cũng phân định rõ trách nhiệm của chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trong việc ban hành và thực thi các biện pháp toàn diện nhằm quản lý và sử dụng các thông tin cá nhân đặt trong bối cảnh một xã hội công nghệ và thông tin phát triển cao.

1.11. Đức

[1]Năm 2015, APPI được sửa đổi, bổ sung.

Đạo luật quan trọng của Đức về bảo vệ dữ liệu cá nhân là Đạo luật liên bang về bảo vệ dữ liệu năm 1990 (sửa đổi năm 2003 và 2009) và bên cạnh còn một số luật liên quan khác như: Luật viễn thông, Luật quản lý sử dụng dữ liệu trên Internet. Bất kỳ thông tin nào liên quan đến cá nhân hoặc thông tin cụ thể để nhận dạng hoặc có thể nhận dạng một người. Các quy định của pháp luật bảo vệ dữ liệu không áp dụng cho dữ liệu ẩn danh. Mặt khác, pháp luật Đức cấm thu thập thông tin có liên quan đến nguồn gốc chủng tộc hoặc dân tộc, quan điểm chính trị, tôn giáo hay triết học, thành viên công đoàn cũng như sức khoẻ, đời sống tình dục của đối tượng dữ liệu.

1.12. Hungary

Đạo luật về quyền tự quyết thông tin và tự do thông tin (năm 2011) quy định bất kỳ thông tin nào liên quan đến một cá nhân xác định hoặc có thể xác định được hoặc bất kỳ tài liệu tham khảo nào được rút ra, một cách trực tiếp hay gián tiếp, từ thông tin đó. Một cá nhân được xem là xác định được, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua thông tin về tên, mã số hoặc một hay nhiều yếu tố cụ thể về vật lý, sinh lý, tâm thần, kinh tế, văn hoá, xã hội của người đó. Thông tin được phổ biến khi có sự đồng ý của cá nhân đó hoặc theo quy định của pháp luật. Đối với "dữ liệu đặc biệt", chỉ được phổ biến khi có sự đồng ý bằng văn bản của cá nhân đó hoặc trong các trường hợp đặc biệt.

1.13. Ba Lan

Năm 1997, Ba Lan ban hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong đó, dữ liệu cá nhân là bất kỳ thông tin liên quan đến một người được nhận dạng hoặc có thể nhận dạng. Một người có thể được xác định, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, qua việc tham chiếu đến một số nhận dạng hoặc một hay nhiều yếu tố cụ thể về vật lý, sinh lý, tâm thần, kinh tế, văn hoá, xã hội. Tuy nhiên, một thông tin sẽ không được coi là xác định khi mà việc xử lý đòi hỏi một số lượng thời gian, chi phí và nhân lực quá lớn. Việc xử lý dữ liệu cá nhân có thể được thực hiện vì lợi ích công cộng, lợi ích của các đối tượng dữ liệu, lợi ích của bất kỳ bên thứ ba nào khác, trong phạm vi và theo các thủ tục quy định của Luật này. Luật nghiêm cấm việc xử lý dữ liệu cá nhân làm tiết lộ nguồn gốc chủng tộc hoặc dân tộc, chính kiến, tư tưởng, tôn giáo, đảng phái hay công đoàn mà người đó là thành viên, cũng như việc xử lý các dữ liệu liên quan đến sức khỏe, mã di truyền, nghiện ngập hay đời sống tình dục và dữ liệu liên quan đến việc kết án, bản án, tiền phạt và các quyết định khác của tòa án hoặc của cơ quan hành chính với đối tượng dữ liệu.

1.14. Canada: Tương tự như pháp luật Hoa Kỳ, các quy định về bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng nằm rải rác trong các đạo luật chuyên

ngành như: Luật về bảo vệ thông tin cá nhân và văn bản điện tử, Luật về truyền thông, Luật chống thư rác, Luật bảo vệ thông tin về sức khoẻ cá nhân. Theo đó, thông tin cá nhân bao gồm mọi thông tin về nhận dạng của cá nhân. Tuy nhiên, thông tin trong "business card" không được xem là thông tin cá nhân. Mức độ bảo vệ tương ứng với tính chất quan trọng của thông tin cá nhân được xác định. Việc phổ biến thông tin cá nhân không bị cấm trong ba trường hợp sau: (1) thông tin được sử dụng đúng mục đích được xác định khi thu thập; (2) chủ thể phổ biến thông tin bảo đảm rằng thông tin sẽ được đối tượng tiếp nhận bảo vệ tương tự như mình bảo vệ; (3) những chủ thể liên quan được thông báo về việc phổ biến thông tin.

2. Pháp luật trong nước

Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa các quy định của các bản Hiến pháp trước đây, khẳng định quyền riêng tư của cá nhân là bất khả xâm phạm, đồng thời phát triển mở rộng phạm vi quyền riêng tư không chỉ là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, thư tín mà còn bao gồm quyền bảo vệ bí mật cá nhân, trong đó có thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình (Điều 21). Hiện nay, trong hệ thống pháp luật Việt Nam chỉ có 01 văn bản là Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân đưa ra định nghĩa về dữ liệu cá nhân và bảo vệ dữ liệu cá nhân, **chưa có văn bản Luật nào định nghĩa** về vấn đề này. Điều này đặt ra thực trạng là phạm vi điều chỉnh của Nghị định chưa bao quát hết các lĩnh vực, quan hệ của đời sống, xã hội, chưa tương thích với các quy định về quyền bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được nêu trong Hiến pháp năm 2013, cùng các quy định liên quan tới "thông tin cá nhân", "thông tin riêng", "thông tin số"; "thông tin cá nhân trên môi trường mạng"; "thông tin bí mật đời tư"... được nêu trong một số văn bản Luật hiện hành.

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, chỉ có văn bản luật được quyền quy định các nội dung liên quan tới hạn chế quyền con người, quyền công dân. Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân dự kiến quy định một số trường hợp liên quan tới tiết lộ, xử lý dữ liệu cá nhân khi chưa được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu, có khả năng ảnh hưởng tới quyền con người. Mặc dù đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng ý, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định một số trường hợp tại Điều 17. Tuy nhiên, về mặt pháp lý và để bảo đảm quy phạm đầy đủ các trường hợp khác trong thực tiễn, cần ban hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân để quy định các nội dung nêu trên.

Theo thống kê của Bộ Công an, có tổng số **69** văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam, trong đó có: Hiến pháp; 04 Bộ luật; 39 Luật, 01 Pháp lệnh; 19 Nghị định; 04 Thông tư/Thông tư liên tịch; 01 Quyết định của Bộ trưởng. Tuy nhiên, dù có tới 69 văn bản nhưng tất cả

đều **chưa thống nhất** về khái niệm và nội hàm dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Ngày 17/4/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân đưa ra định nghĩa về dữ liệu cá nhân và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, đây mới chỉ là văn bản Nghị định, chưa phải văn bản Luật nên cần thống nhất thực hiện trong thực tiễn.

- Có hơn **10 khái niệm** thuật ngữ liên quan tới thông tin cá nhân được diễn giải theo những **cách khác nhau**, gồm: "dữ liệu cá nhân", "thông tin cá nhân", "thông tin riêng", "thông tin riêng tư", "thông tin số"; "thông tin cá nhân trên môi trường mạng"; "thông tin bí mật đời tư"; "thông tin về đời sống riêng tư", "bí mật gia đình", "quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư"; "cơ sở dữ liệu điện tử"; "thông tin của người tiêu dùng". Riêng về khái niệm "thông tin cá nhân", khái niệm này được coi là tương đồng và gần gũi nhất với khái niệm "dữ liệu cá nhân". Cụm từ "thông tin cá nhân" xuất hiện ở hơn **300 văn bản** quy phạm pháp luật, nhưng chỉ có **07 văn bản pháp luật** có định nghĩa/diễn giải thế nào là thông tin cá nhân[2]. Số văn bản pháp luật còn lại chỉ đề cập đến thông tin cá nhân trong nội dung các quy định, không đưa ra giải thích hay dẫn chiếu giải thích đến văn bản pháp luật khác.

2.1. Hiến pháp

Hiến pháp năm 2013 có quy định về quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Điều 21 như sau: "*1.Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. 2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác"*. Kể từ Hiến pháp năm 2013, cụm từ "*thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình*" được sử dụng tại Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật tiếp cận thông tin, Luật trẻ em. Tuy nhiên, trong tất cả các văn bản nêu trên, chưa văn bản nào đưa ra được định nghĩa cho các khái niệm này.

2.2. Các văn bản Luật

2.2.1. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định cụ thể quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình (Điều 38): (1) Đời sống riêng tư của một cá nhân là tập hợp các yếu tố tạo thành nét riêng, đặc thù, độc lập, mang dấu ấn riêng của cá nhân; có đặc điểm riêng biệt của cá nhân trong quá trình - thời

---

[2] Luật an toàn thông tin mạng năm 2015; Luật Tố cáo năm 2013, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan của Chính phủ

gian sống, sự trải nghiệm trong các quan hệ xã hội hình thành mang dấu ấn riêng của cá nhân, có tính độc lập và với tư cách chủ thể trong các quan hệ xã hội; (2) Bí mật cá nhân là tổng thể các quan hệ, các thông tin liên quan đến các nhân mang tính chất chi phối các quan hệ cụ thể của cá nhân mà nếu bị lộ sẽ gây cho cá nhân những bất lợi hoặc dễ gây sự hiểu lầm ở chủ thể khác, bản chất của yếu tố bí mật cá nhân không gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho chủ thể khác; (3) Bí mật gia đình là những thông tin về tài liệu liên quan đến các quan hệ giữa các thành viên của gia định với nhau có mối quan hệ hữu cơ đến truyền thống một hay nhiều đời về huyết thống, bệnh lý, năng lực trí tuệ của các thành viên có tính hệ thống mà nếu bị lộ sẽ gây bất lợi cho các thành viên gia đình trong các quan hệ xã hội và quan hệ pháp luật khác thuộc các lĩnh vực; (4) Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là các quyền nhân thân bất khả xâm phạm; (5) Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng công khai thông tin liên quan đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được đồng ý của chủ thể. Đáng lưu ý là khoản 3 Điều 38 Bộ luật Dân sự quy định: "*Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật".* Việc bổ sung thêm thuật ngữ *"cơ sở dữ liệu điện tử"* có nghĩa là, việc bảo đảm quyền riêng tư không chỉ áp dụng đối với các loại thông tin riêng tư tồn tại dưới các dạng thức truyền thống như thư tín, điện thoại, điện tín… mà còn áp dụng cả đối với các dữ liệu tồn tại dưới dạng kỹ thuật số như cơ sở dữ liệu điện tử.

2.2.2. Bộ luật Tố tụng Dân sự: *"Các cơ quan tiến hành tố tụng dân sự, người tiến hành tố tụng phải giữ bí mật nhà nước, bí mật công tác theo theo quy định của pháp luật, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên, giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ" (*Khoản 3 Điều 13). Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định người tố cáo có quyền "Yêu cầu giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của mình" (Điều 510; quy định bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân, quyền được xét xử kín theo yêu cầu chính đáng của công dân nhằm bảo đảm bí mật của đương sự, quyền yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo; không được tiết lộ bí mật điều tra... (Điều 8, 18 và Điều 124).

2.2.3. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định xử lý đối với các tội phạm liên quan đến việc quản lý dữ liệu cá nhân: *"Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán công khai hoá trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng"; "Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"; "Tội cố tình làm lộ bí mật công tác"; "Tội vô ý làm lộ bí mật công tác"*. Như vậy, có thể thấy là pháp luật hình sự của nước ta hiện vẫn chưa quy định hành vi xử lý (thu thập, phát tán, tiêu hủy, sửa đổi...) dữ liệu cá nhân trái pháp luật như là một hành vi nguy hiểm cho xã

hội và phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong khi thực tế đời sống cho thấy các hành vi này ngày càng trở nên phổ biến, gây thiệt hại cả về vật chất và tinh thần cho chủ dữ liệu. Do vậy, việc mở rộng phạm vi các tội xâm phạm quyền tự do, quyền riêng tư của cá nhân trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân là cần được nghiên cứu thấu đáo, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2.2.4. Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2015 (Điều 12) quy định: *"Không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân"*.

2.2.5. Luật Viễn thông năm 2009 quy định người sử dụng dịch vụ viễn thông được bảo đảm bí mật thông tin riêng theo quy định của pháp luật (Điểm đ Khoản 1 Điều 16); quy định doanh nghiệp viễn thông có thể tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông (Điều 6).

2.2.6. Luật Bưu chính năm 2010 quy định người sử dụng dịch vụ bưu chính được bảo đảm an toàn và an ninh thông tin (Khoản 2 Điều 30), có quyền được doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về dịch vụ bưu chính mà mình sử dụng; được bảo đảm an toàn và an ninh thông tin; khiếu nại về dịch vụ bưu chính đã sử dụng".

2.2.7. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định người tố cáo có quyền yêu cầu giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của mình (Điều 510);

2.2.8. Luật Dược năm 2016 quy dịnh người tham gia thử thuốc trên lâm sàng được giữ bí mật về dữ liệu cá nhân có liên quan (Điểm c Khoản 1 Điều 91).

2.2.9. Luật Giao dịch điện tử năm 2005 (Điều 46): *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác"*;

2.2.10. Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 (Điểm c Khoản 1 Điều 17) nghiêm cấp hành vi thu thập, sử dụng, phát tán kinh doanh trái phép thông tin cá nhân của người khác, nêu rõ: *"Không được cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân mà mình đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba, trừ trường hợp có sự đồng ý của chủ thể hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền"; "Tổ chức, cá nhân không được xâm phạm an toàn thông tin mạng của tổ chức, cá nhân khác" (*Điều 4); *"Cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng" (*Điều 16)

2.2.11. Luật Công nghệ thông tin năm 2016 (Khoản 4 Điều 15): *"Tổ chức, cá nhân không được trích dẫn nội dung thông tin số của tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp chủ sở hữu thông tin số đã có cảnh báo hoặc pháp luật quy định việc trích dẫn thông tin là không được phép"*; quy định phải tiến hành các biện pháp quản lý kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin cá nhân, không bị mất, đánh cắp, tiết lộ, thay đổi hoặc phá huỷ khi thu thập, xử lý và sử dụng trên môi trường mạng và *"Không được cung cấp thông tin cá nhân của người khác cho bên thứ ba, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc có sự đồng ý của cá nhân đó" (*Khoản 2 Điều 22);

2.2.12. Luật Báo chí năm 2016 (Điều 42) quy định cơ quan báo chí bảo vệ thông tin cá nhân (dữ liệu cá nhân) theo cách không được xuyên tạc, sai sự thật. Nếu thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì phải đăng, phát lời cải chính, xin lỗi trên báo chí và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó; (khoản 5 Điều 9).

2.2.13. Luật An ninh mạng năm 2018 (Điều 16, 17, 18, 19, 20, 26) quy định về nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng; thu thập, sử dụng thông tin cá nhân; cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân; bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng; trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước trong bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng;

2.2.14. Luật Trẻ em, cấm: *"Công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 7 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em" (*Khoản 11 Điều 6).

2.2.15. Luật Quản lý thuế năm 2006 (Điều 6; khoản 4 Điều 8) quy định toàn bộ hồ sơ của người nộp thuế cá nhân trong công tác quản lý thuế*;* người nộp thuế có quyền *"được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật"*, quy định tại khoản 4 Điều 8 về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế *"giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của Luật này"*.

2.2.16. Luật Hiến, lấy, ghép mô bộ phận cơ thể người và Hiến, lấy xác quy định nghiêm cấm hành vi năm 2006, quy định nguyên tắc giữ bí mật các thông tin cá nhân liên quan đến việc hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác: "*Giữ bí mật về các thông tin có liên quan đến người hiến, người được ghép, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*(khoản 4 Điều 4). Để bảo đảm nguyên tắc này, Luật này quy định nghiêm cấm hành vi "*Tiết lộ thông tin, bí mật về người hiến và người được ghép trái với quy định của pháp luật*." (khoản 9 Điều 11).

2.2.17. Luật Phòng, chống nhiễm virut gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006 (khoản 5 Điều 8). Nhằm bảo đảm sức

khỏe cộng đồng, Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) có quy định cụ thể việc giám sát trọng điểm HIV/AIDS và có quy định giữ bí mật, cụ thể: Khi tiến hành giám sát trọng điểm HIV/AIDS, cơ sở y tế có thẩm quyền được thực hiện xét nghiệm HIV đối với các nhóm đối tượng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. Các xét nghiệm HIV trong giám sát trọng điểm HIV/AIDS phải được thực hiện bằng phương pháp xét nghiệm HIV giấu tên. Nhân viên xét nghiệm và cơ sở xét nghiệm HIV có trách nhiệm giữ bí mật kết quả xét nghiệm và chỉ sử dụng kết quả xét nghiệm cho mục đích giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và nghiên cứu khoa học (Điều 25).

2.2.18. Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 (Điều 59). Trong lĩnh vực y tế: người khám bệnh được giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án; hồ sơ bệnh án được lưu trữ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh); thầy thuốc và nhân viên y tế có trách nhiệm giữ bí mật thông tin liên quan đến người bệnh (khoản 3 Điều 33 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm). Tuy nhiên, thông tin này có thể được công bố khi người bệnh đồng ý hoặc để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định

2.2.19. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 cũng khẳng định nguyên tắc người tiêu dùng được bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của mình khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ (khoản 1 Điều 6).

2.2.20. Luật Xuất bản năm 2012 nghiêm cấm việc xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm có nội dung tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định (điểm c khoản 1 Điều 10).

2.2.21. Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 (điểm b khoản 1 điều 31).

2.2.22. Luật Hộ tịch (Điều 61) quy định cơ sở dữ liệu hộ tịch là tập hợp thông tin hộ tịch của cá nhân đã đăng ký, lưu giữ trong Sổ hộ tịch và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, được quản lý, bảo mật, bảo đảm an toàn; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch có trách nhiệm bảo đảm bí mật cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch. Luật Hộ tịch cũng nghiêm cấm việc truy cập trái phép, trộm cắp, phá hoại thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch (điểm i khoản 1 Điều 12); công chức làm công tác hộ tịch không được tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật cá nhân mà biết được qua đăng ký hộ tịch (khoản 6 Điều 74). Bộ Tư pháp đang triển khai Đề án cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc. Trong quá trình triển khai xây dựng các phần mềm trong Hệ thống thông tin

đăng ký và quản lý hộ tịch, việc bảo đảm bí mật, an toàn thông tin, dữ liệu cá nhân là một trong những ưu tiên hàng đầu, hiện chưa ghi nhận có xảy ra sự cố về việc mất an toàn thông tin hộ tịch trên Hệ thống.

2.2.23. Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2018 (Điều 41) quy định Bộ Tư pháp có trách nhiệm thông báo cho người xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, người bị tước quốc tịch Việt Nam, bị hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam về kết quả giải quyết các việc về quốc tịch có liên quan và đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Trong quá trình giải quyết hồ sơ liên quan đến vấn đề quốc tịch, Bộ Tư pháp luôn tuân thủ đúng các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục, cũng như các quy định về bảo vệ dữ liệu. Các thông tin về kết quả giải quyết các việc cho nhập, cho trở lại, cho thôi, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cũng được thông báo công khai và minh bạch theo quy định của pháp luật. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng và hoàn thiện Phần mềm quản lý quốc tịch nhằm xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc tịch.

2.2.24. Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định người được trợ giúp pháp lý có quyền *"yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý"*. Khoản c Điều 6 của Luật quy định một trong các hành vi bị nghiêm cấm của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý là *"tiết lộ thông tin về vụ việc* trợ giúp pháp lý*, về người được* trợ giúp pháp lý*, trừ trường hợp người được* trợ giúp pháp lý *đồng ý bằng văn bản hoặc luật có quy định khác"*. Việc lưu trữ hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý cũng được quy định cụ thể tại Điều 39. Hồ sơ điện tử của từng vụ việc trợ giúp pháp lý được số hóa, cập nhật vào hệ thống quản lý vụ việc trợ giúp pháp lý và lưu trữ tại cơ sở dữ liệu về trợ giúp pháp lý. Bộ Tư pháp đã triển khai hệ thống tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, quản lý thống nhất vụ việc trợ giúp pháp lý trong toàn quốc, qua đó quản lý được quá trình tiếp nhận, thụ lý vụ việc, phân công người thực hiện trợ giúp pháp lý, quá trình thực hiện vụ việc và theo dõi, đánh giá kết quả và chất lượng các vụ việc trợ giúp pháp lý đã được thực hiện tại địa phương... Mỗi cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý ở địa phương, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý được cấp một tài khoản riêng để đăng nhập và cập nhật thông tin cá nhân, vụ việc trợ giúp pháp lý bảo đảm việc bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2.2.25. Luật Lý lịch tư pháp

Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Đây là cơ sở dữ liệu về lý lịch của người bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật, quyết định hình sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã

bị Tòa án tuyên bố phá sản. Quản lý lý lịch tư pháp phải bảo đảm nguyên tắc tôn trọng bí mật đời tư cá nhân. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là tài sản quốc gia được bảo vệ chặt chẽ, an toàn. Việc sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải theo quy trình riêng.

2.2.26. Luật Nuôi Con nuôi

Các loại dữ liệu cá nhân liên quan đến quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi bao gồm: thông tin cá nhân của trẻ em có nhu cầu cần tìm gia đình thay thế (bao gồm họ tên; ngày tháng năm sinh; giới tính; dân tộc; nơi sinh; diện đối tượng; tình trạng sức khỏe; họ, tên cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ, cơ sở nuôi dưỡng, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của cơ sở nuôi dưỡng trẻ em); thông tin cá nhân của người có nhu cầu nhận con nuôi (bao gồm họ tên, địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại liên hệ, lý do nhận con nuôi)[3]; thông tin cá nhân của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi và cha, mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi trong hồ sơ giải quyết việc nuôi con nuôi; thông tin cá nhân của trẻ em sau khi được giải quyết cho làm con nuôi (bao gồm tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần và mức độ hòa nhập của trẻ em sau khi được nhận làm con nuôi nước ngoài).

Pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi chưa có quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan quản lý dữ liệu cá nhân. Các dữ liệu cá nhân của các đối tượng được thu thập từ hồ sơ giải quyết việc nuôi con nuôi và trách nhiệm quản lý dữ liệu cá nhân thu thập được sẽ thuộc về các cơ quan liên quan khác nhau dựa trên sự tham gia của các cơ quan này trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi. Ví dụ: việc quản lý thông tin dữ liệu cá nhân của các trẻ em có nhu cầu cần tìm gia đình thay thế khi tiến hành đăng thông báo tìm người nhận con nuôi sẽ do cơ sở nuôi dưỡng, Sở Tư pháp và Bộ Tư pháp có trách nhiệm thực hiện. Các dữ liệu cá nhân của hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước do Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi quản lý; các dữ liệu cá nhân của hồ sơ giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài do Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi) và Sở Tư pháp nơi trẻ em thường trú quản lý… Việc cung cấp thông tin về trẻ em phải đảm bảo nguyên tắc tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BTP-BNG-BCA-BLĐTBHXH, trong đó có nguyên tắc giữ bí mật thông tin riêng tư của trẻ em.

2.2.27. Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành có quy định về thông báo về thi hành án (Điều 39 Luật Thi hành án dân sự), công khai thông tin của người phải thi hành án (Điều 11 Nghị định 62/2015/NĐ-CP), bảo mật các thông tin về tài khoản, tài sản của người phải thi hành án bị áp dụng biện pháp bảo đảm khi được Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, cơ quan, tổ

[3] Theo Mẫu TP/CN-2011/CN.05 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTP.

chức, cá nhân nơi có tài khoản, tài sản cung cấp (Điều 20 Nghị định 62/2015/NĐ-CP), công khai thông tin về việc không chấp hành án (Điều 30 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP), công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (Chương II Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016)…

Việc đăng tải, cập nhật thường xuyên danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành đã giúp người dân nói chung và người được thi hành án nói riêng biết được quá trình thi hành án, giám sát việc phân loại án và đặc biệt là tiến độ thi hành, lý do vì sao chưa thi hành và ngày xác minh điều kiện thi hành án gần nhất. Việc công khai này cũng giúp người dân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, đồng thời có tác dụng góp phần thúc đẩy việc tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án.

2.2.28. Luật các Tổ chức tín dụng quy định trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, theo đó, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

2.3. Các văn bản dưới luật

- Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân gồm 04 chương, 44 Điều, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong Nghị định này đã xác định vai trò, vị trí, trách nhiệm của các Bên có liên quan. Căn cứ vào hoạt động thực tiễn, các tổ chức, cá nhân tự xác định vai trò của mình là Bên Kiểm soát DLCN, Bên Kiểm soát và Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý DLCN, Bên Thứ 3. Căn cứ vào vai trò của mình, các tổ chức, cá nhân tự xác định trách nhiệm thực tiễn. Với quan điểm coi DLCN là tài nguyên đầu vào quan trọng của quá trình chuyển đổi số. Bảo vệ DLCN với quá trình phát triển, sử dụng DLCN. Các tổ chức, cá nhân cần tuân thủ nghiêm quy định của Nghị định, nguyên tắc xử lý DLCN, trong đó đặc biệt lưu ý Nghị định quy định cấm mua, bán DLCN dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Luật quy định khác.

Bên cạnh đó, việc xử lý dữ liệu dân cư cũng được miễn trừ trách nhiệm liên quan tới sự đồng ý của chủ thể dữ liệu vì phù hợp với quy định tại Điều 17

Nghị định số 13/2023/NĐ-CP. Ngoài miễn trừ quy định về sự đồng ý, việc xử lý dữ liệu cá nhân vẫn cần tuân thủ đầy đủ các quy định khác, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

+ Về nguyên tắc, quá trình xử lý cần bảo đảm các nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân như chỉ được xử lý đúng với mục đích đã được đăng ký, tuyên bố về xử lý dữ liệu cá nhân; thu thập phải phù hợp và giới hạn trong phạm vi, mục đích cần xử lý; không được mua, bán dưới mọi hình thức, trừ trường hợp luật có quy định khác.

+ Chấp hành quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu.

+ Nghiên cứu, tổ chức triển khai và thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân qua nhiều hình thức khác nhau, trong đó chú trọng tổ chức phổ biến, quán triệt tới toàn bộ cán bộ, công nhân viên về quyền và nghĩa vụ, xác định trách nhiệm cần triển khai thực hiện, bảo đảm về tiến độ thời gian theo quy định của pháp luật.

+ Chỉ đạo các đơn vị có hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân tiến hành rà soát tổng thể, phân loại dữ liệu cá nhân đã thu thập, đang xử lý, từ đó xác định trách nhiệm bảo vệ tương ứng với từng loại dữ liệu cá nhân theo quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.

+ Rà soát, đánh giá quy trình thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân, đề xuất ban hành các biện pháp quản lý phù hợp với quy mô, mức độ xử lý dữ liệu cá nhân của cơ quan, đơn vị mình; xử lý nghiêm các hành vi chuyển giao dữ liệu cá nhân trái phép, mua bán dữ liệu cá nhân nếu phát hiện.

+ Chỉ định (bằng văn bản có hiệu lực pháp lý) bộ phận có chức năng bảo vệ dữ liệu cá nhân, chỉ định nhân sự phụ trách bảo vệ dữ liệu cá nhân nếu cơ quan, tổ chức, cá nhân xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm và trao đổi 01 bản chính văn bản nêu trên về Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an).

+ Thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong trường hợp phát hiện xảy ra vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân về Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân chậm nhất 72 giờ sau khi xảy ra hành vi vi phạm theo Mẫu số 03 tại Phụ lục của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.

+ Lập hồ sơ Đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài và gửi Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân theo 03 hình thức: trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trực tiếp tại Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ

cao - Bộ Công an hoặc theo đường bưu chính sau 60 ngày kể từ ngày xử lý dữ liệu cá nhân hoặc chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài.

- Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước (Khoản 5 Điều 3) như sau: "Thông tin cá nhân: là thông tin đủ để xác định chính xác danh tính một cá nhân, bao gồm ít nhất một trong những thông tin sau đây: họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức danh, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu. Những thông tin thuộc bí mật cá nhân gồm có hồ sơ y tế, hồ sơ nộp thuế, số thẻ bảo hiểm xã hội, số thẻ tín dụng và những bí mật cá nhân khác".

- Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bên cạnh các quyền lợi, khách hàng có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Nghị định này và hướng dẫn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc cung cấp thông tin khách hàng.

- Nghị định số 02/2009/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng động;

Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 1/5/2013 của CP về Thương mại điện tử có quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử. Theo đó, thương nhân, tổ chức, cá nhân khi thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người sử dụng phải xây dựng và công bố chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng (Điều 69); phải được sự đồng ý trước của người tiêu dùng (Điều 70) và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cá nhân (Điều 72).

- *Lĩnh vực nội vụ*: Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bội Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức đã quy định về hồ sơ cá nhân công chức (Khoản 1 Điều 4) *"Hồ sơ công chức là tài liệu pháp lý phản ánh các thông tin cơ bản nhất về công chức, bao gồm: nguồn gốc xuất thân, quá trình học tập, quá trình công tác, hoàn cảnh kinh tế, phẩm chất, trình độ, năng lực, các mối quan hệ gia đình và xã hội của công chức, thể hiện ở sơ yếu lí lịch, văn bằng, chứng chỉ, và các văn bản tài liệu có liên quan khác, được cập nhật trong quá trình công tác của công chức kể từ khi được tuyển dụng"*

- *Lĩnh vực quốc phòng*:

+ Thông tư số 91/2012/TT-BQP ban hành Quy chế về công tác văn thư, lưu trữ và bảo mật tài liệu trong quân đội;

+ Chỉ thị số 03 ngày 23/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin và một số vấn đề tổ chức hoạt động tác chiến không gian mạng;

+ Thông tư số 110/2014/TT-BQP ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trong Quân dội nhân dân Việt Nam;

+ Thông tư số 202/2016/TT-BQP ngày 12/12/2016 của Bộ Quốc phòng Quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong QĐNDVN;

+ Thông tư số 161/2017/TT-BQP ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Quy định về quản lý, khai thác sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin quân sự trong Quân đội Nhân dân Việt Nam;

+ Chỉ thị số 101/CT-BQP ngày 03/9/2018 của Bộ Quốc phòng Về việc tăng cường bảo vệ bí mật, chống thất thoát dữ liệu trên không gian mạng và phòng, chống phần mềm độc hại trong Quân đội;

+ Thông tư số 64/2018/TT-BQP quy định thực hiện cung cấp thông tin trong Bộ Quốc phòng (theo Luật Tiếp cận thông tin).

- *Lĩnh vực ngân hàng*:

- Quyết định số 45/2007/QĐ-NHNN ngày 17/12/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về độ mật của từng loại tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2009/TT-NHNN ngày 08/5/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, "tài liệu liên quan đến tiền gửi và tài sản khác của từng khách hàng tại các tổ chức tín dụng; mẫu chữ ký của chủ tài khoản, mẫu chữ ký dùng trong công tác thanh toán; mã số quy định cho khách hàng để xác định thẻ cá nhân của người dùng thẻ thanh toán, thẻ tín dụng và các loại thẻ khác dùng trong hoạt động ngân hàng" là tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng thuộc độ "Mật".

- Nghị định số 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng có một số quy định xử phạt liên quan đến hoạt động cung cấp thông tin khách hàng không đúng quy định.

- *Lĩnh vực tài chính có quy định một số nội dung cụ thể liên quan tới thông tin cá nhân như*: Thông tin về cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, gồm: (1) Hồ sơ cán bộ (lưu trữ dưới dạng giấy tại Vụ Tổ chức cán bộ của Bộ Tài chính và Vụ/Phòng Tổ chức cán bộ của các đơn vị trực thuộc Bộ; dưới dạng dữ liệu điện tử tại các hệ thống thông tin quản lý cán bộ); (2) Số điện thoại, địa chỉ thư điện tử: được công khai trong phạm vi các đơn vị

thuộc Bộ Tài chính (dưới dạng tập san Danh bạ điện thoại và đăng trên Trang tin điện tử nội bộ Bộ Tài chính) để phục vụ liên lạc, trao đổi thông tin làm việc.

- *Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch*:

+ Thông tư số 25/2010/TT-BTTT ngày 15/11/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc thu thập, sử dụng, chia sẻ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

+ Quyết định số 2593/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2016 ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- *Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn*: Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Nghị định số 29/2012/ NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ban hành quy chế quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ kèm theo Quyết định số 2693/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/11/2013 (thay thế Quy chế Quản lý hồ sơ cán bộ ban hành kèm theo Quyết định số 3122/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/7/2001); phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ, dữ liệu cá nhân, đã xây dựng phần mềm và đang cập nhật toàn bộ thông tin, dữ liệu hồ sơ cá nhân công chức, viên chức.

- *Lĩnh vực công thương*: Ngày 27/12/2018, Bộ trưởng Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 4198/QĐ-BCT về việc ban hành Quyết định số 4198/QĐ-BCT về việc ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng Bộ Công thương. Đối tượng cũng như các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng được quy định đầy đủ tại Quyết định trên.

3. Về chế tài xử phạt

Pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân còn quy định các chế tài xử phạt với những hành vi vi phạm bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nếu có hành vi vi phạm, tùy vào mức độ nghiêm trọng thì cá nhân, tổ chức có thể phải chịu các chế tài hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật:

3.1. Chế tài hình sự

Vi phạm các quy định về dữ liệu cá nhân có thể bị xử phạt hình sự, với án tù giam cao nhất là 07 năm. Cụ thể: Điều 159 Bộ Luật Hình sự quy định, việc "xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác" có thể bị phạt tù tới 03 năm. Điều 288

quy định về "Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông" với mức hình phạt cao nhất là 07 năm tù giam.

Tuy nhiên, 02 tội danh này chưa quy định cụ thể, trực tiếp về các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới dữ liệu cá nhân đang diễn ra hiện nay.

3.2. Chế tài dân sự

Quyền bảo vệ thông tin cá nhân (dữ liệu cá nhân) là một quyền dân sự, việc bảo vệ quyền này được coi là nguyên tắc trong pháp luật Dân sự. Khoản 1 Điều 9 Bộ luật Dân sự năm 2015 khẳng định: *"Tất cả các quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ"*. Tại Khoản 2 điều này đã ghi nhận 5 hình thức chế tài dân sự: Khi quyền dân sự của một chủ thề bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền tự bảo vệ theo quy định của Bộ luật này hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:

a) Công nhận quyền dân sự của mình;

b) Buộc chấm dứt hành vi vi phạm;

c) Buộc xin lỗi, cải chính công khai;

d) Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;

đ) Buộc bồi thường thiệt hại.

3.3. Chế tài hành chính

Các hành vi vi phạm, xâm hại đến dữ liệu cá nhân có thể bị buộc bồi thường thiệt hại, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi vi phạm gây ra. Mặc dù pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện nay đã có các quy định xử phạt đối với một số hành vi vi phạm liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhưng các quy định trên chưa bảo đảm đầy đủ, toàn diện để làm cơ sở xử phạt đối với các hành vi vi phạm không thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, tần số vô tuyến điện, thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Ngoài ra, việc xử lý hành vi mua bán thông tin cá nhân gặp khó khăn do nhiều nguyên nhân, ví dụ như: khó truy ra đầu mối ai là người tiết lộ, đánh cắp, sử dụng thông tin cá nhân.

- Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện quy định: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp bảo vệ thông tin riêng hoặc thông tin cá nhân của người sử dụng (điểm c khoản 1 Điều 65); phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ trên môi trường mạng thông tin thuộc

đồng đối với hành vi mua bán hoặc trao đổi trái phép thông tin riêng của người sử dụng dịch vụ viễn thông (điểm a khoản 5 Điều 66).

3. Nhận xét, đánh giá

Trong tình hình hiện nay, với tốc độ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, dữ liệu cá nhân đang trở thành nguồn nguyên liệu cơ bản, ngày càng quan trọng, đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trở thành những lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội, cần thiết phải có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hoàn thiện, đầy đủ, nhất là quy định về xử phạt vi phạm hành chính. Việc Luật An ninh mạng và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành, phát huy hiệu quả trên thực tiễn đặt ra vấn đề cấp bách phải xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát hệ thống văn bản pháp luật trong nước về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an kính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, A05(P1).ĐT(04b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Lương Tam Quang